TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 22/3/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản (QSDĐ)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung;**

2. Ông **Võ Thành Tâm.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Huỳnh Tiểu Ngọc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: ***259/2023/TLST-DS ngày 20/10/2023 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng + Hợp đồng thế chấp tài sản (QSDĐ)"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-DS ngày 19/02/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST-DS ngày 05/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Trụ sở: Số 198, đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Số điện thoại: 04.39448688

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Tần – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lã Thị Hiền – Chức vụ: Phó Giám đốc Khối xử lý nợ SeABank. Người đại diện theo ủy quyền của bà Hiền:

- Ông Nguyễn Hồ K, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: Số 1270-1272 đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0934561920 (có mặt).

- Ông Lê Duy Quang, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: số 26-28 đường Nguyễn An Ninh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Số điện thoại: 0939032323 (vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

2.2. Ông **Phan Việt Th**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Phú Hữu, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Hồ K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 27/01/2022, ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A với Ngân hàng TMCP S có tiến hành ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022. Nội dung cụ thể như sau: Mục đích vay vốn: Vay bù đắp mua bất động sản; Thời hạn vay: 30 năm, từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày 28/01/2052; Ngày giải ngân là ngày 28/01/2022; Số tiền vay ban đầu là: 6.000.000.000 đồng; Lãi suất: Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8,5%/năm và sẽ cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên lãi suất cho vay trong hạn sẽ được được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất cơ sở do Ngân hàng TMCP S ban hành từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với dư nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả bằng 10% / năm đối với dư nợ lãi chậm trả. Ngày 28/01/2022, ông Th, bà A đã nhận đủ 6.000.000.000 đồng.

Thời gian đầu ông Th, bà A vẫn trả vốn lãi đầy đủ theo định kỳ hàng tháng, tính đến ngày 28/12/2022 ông Th, bà A đã trả được nợ gốc là 166.935.062 đồng, lãi trong hạn là 1.312.422 đồng, lãi quá hạn là 660.347 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 29/12/2022 ông Th, bà A không trả được số tiền nào nữa, tính đến ngày 22/3/2024 ông Th, bà A còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi là 6.893.498.502 đồng, trong đó nợ gốc là 5.833.064.938 đồng, nợ lãi trong hạn là 968.103.019 đồng, nợ lãi quá hạn là 92.330.545 đồng.

Ngoài ra ông Th, bà A còn khoản nợ theo hạn mức thẻ tín dụng được cấp là 100.000.000 đồng theo Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022. Tính đến ngày 22/3/2024 ông Th, bà A còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc, lãi là 173.865.567 đồng, trong đó nợ gốc là 98.774.678 đồng, nợ lãi trong hạn là 28.166.152 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.924.737 đồng.

Riêng bà A còn khoản nợ theo hạn mức thẻ tín dụng được cấp là 100.000.000 đồng theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022. Tính đến ngày 22/3/2024 bà A còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc, lãi là 169.216.742 đồng, trong đó nợ gốc là 98.313.998 đồng, nợ lãi trong hạn là 25.707.934 đồng, nợ lãi quá hạn là 45.194.810 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên ông Th, bà A có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 179,1m^2, loại đất ở tại đô thị, thửa số 79, tờ bản đồ số 72, đất tọa lạc tại khóm Phú Hữu, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ766222 ngày 31/12/2021 cho bà A và ông Th theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2202700285/HDTC/AG1-NTNS ngày 27/01/2022.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn ông Th, bà A phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 22/3/2024 là 7.236.580.811 đồng *(bảy tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi ngàn, tám trăm mười một đồng)*. Trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 là 6.893.498.502 đồng, gồm: nợ gốc là 5.833.064.938 đồng, nợ lãi trong hạn: 968.103.019 đồng, nợ lãi quá hạn là 92.330.545 đồng và dư nợ Thẻ tín dụng theo Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 là 343.082.309 đồng, gồm: nợ gốc là 197.088.676 đồng, nợ lãi trong hạn: 53.874.086 đồng và nợ lãi quá hạn là 92.119.547 đồng.

Yêu cầu ông Th, bà A phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày xét xử (22/3/2024) cho đến khi ông Th, bà A trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Th và bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2202700285/HDTC/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản là: Quyền sử dụng đất diện tích 179,1m^2, loại đất ở tại đô thị, thửa số 79, tờ bản đồ số 72, đất tọa lạc tại khóm Phú Hữu, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DĐ766222 ngày 31/12/2021 cho bà A và ông Th.

Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S thì ông Th và Nguyễn Thị Ngọc A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản vay.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay phía Ngân hàng TMCP S xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể Ngân hàng không yêu cầu ông Th, bà A phải liên đới trả đối với số tiền nợ gốc, lãi là 169.216.742 đồng (tạm tính đến

ngày 22/3/2024) theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 mà chỉ yêu cầu cá nhân bà A phải trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng do chỉ có bà A là người ký kết hợp đồng với Ngân hàng, không liên quan đến ông Th, còn những nội dung khởi kiện khác Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên.

**** Tại biên bản hòa giải ngày 28/12/2023 bị đơn bà A trình bày:*** *"Vợ chồng tôi thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của nguyên đơn về quá trình vay tiền của chúng tôi tại Ngân hàng TMCP S. Tôi và chồng tôi ông Th thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 6.000.000.000 đồng (6 tỷ đồng) vào ngày 27/01/2022 để vay bù đắp mua bất động sản và nợ thẻ tín dụng 200.000.000 đồng. Nhưng do kinh doanh thô lỗ nên hiện tại còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, lãi là 7.020.757.899 đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc là 6.033.064.938 đồng; nợ lãi trong hạn là 807.392.969 đồng; nợ lãi quá hạn là 180.299.992 đồng tạm tính đến ngày 28/12/2023 theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022, Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022. Bên cạnh đó chúng tôi có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 179,1m^2, loại đất ở tại đô thị, thửa số 79, tờ bản đồ số 72, đất tọa lạc tại khóm Phú Hữu, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ766222 ngày 31/12/2021 cho bà A và ông Th theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2202700285/HDTC/AG1-NTNS ngày 27/01/2022. Hiện tại trên đất có 01 căn nhà trệt không có lầu, gác gì hết (nhà cũ của cha mẹ tôi cho tôi sửa chữa lại thôi) không có đăng ký xây dựng gì cả, chỉ để ở, chỉ có hai vợ chồng tôi ở ngoài ra không có ai khác ở trên đó, hiện tại có kinh doanh gỗ nội thất theo công trình.*

Chúng tôi đồng ý tất toán toàn bộ tổng số tiền nợ gốc, lãi là 7.020.757.899 đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc là 6.033.064.938 đồng; nợ lãi trong hạn là 807.392.969 đồng; nợ lãi quá hạn là 180.299.992 đồng tạm tính đến ngày 28/12/2023 cho Ngân hàng nhưng xin cho trả dần trong vòng 03 tháng tính từ ngày hòa giải hôm nay đến ngày 28/3/2024 sẽ tất toán xong cho Ngân hàng TMCP S do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn."

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Hồ K có mặt; Bị đơn bà A đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng bà A vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng; Bị đơn ông Th đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Th vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Điều 317, 318, 320; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, tuyên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc bị đơn ông Th, bà A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 là 6.893.498.502 đồng và dư nợ theo Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 là 173.865.567 đồng;

+ Buộc bà A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc, lãi là 169.216.742 đồng theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022. Kể từ ngày tiếp theo theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/3/2024), ông Th, bà A còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2202700285/HDTC/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 để đảm bảo thi hành án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Th có trách nhiệm liên đới trả nợ và lãi suất theo quy định đối với nợ thẻ tín dụng ngày 14/3/2022.

- Bị đơn ông Th, bà A phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Th, bà A phải trả nợ các khoản vay dựa trên Hợp đồng tín dụng số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 , Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022, Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2202700285/HDTC/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản (QSDĐ) thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên nên Tòa án

nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn ông Th, bà A vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng Thẻ tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

[2.1.1] Hợp đồng tín dụng số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Th, bà A là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung (Điều 117 Bộ luật dân sự) cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

[2.1.2] Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 đối với chủ thẻ ông Th, bà A và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 đối với chủ thẻ bà A đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật. Ông Th, bà A cũng đã đồng ý ký tên vào bản các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng. Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng TMCP S và ông Th, bà A là hợp pháp.

[2.1.3] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số diện tích 179,1m^2, loại đất ở tại đô thị, thửa số 79, tờ bản đồ số 72, đất tọa lạc tại khóm Phú Hữu, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DĐ766222 ngày 31/12/2021 cho bà A và ông Th đúng theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, tài sản là quyền sử dụng đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Th, bà A nên ông Th, bà A có quền định đoạt.

Việc thế chấp tài sản trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn, phí, phạt cho Hợp đồng tín dụng REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022, Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 (Điều 1- Hợp đồng thế chấp).

Xét Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản và được thiết lập tại phòng công chứng. Các chủ thể trong hợp đồng thế chấp đều thừa nhận việc ký hợp đồng là thỏa thuận, tự nguyện phù hợp quy định tại Điều 299, 317, 320 Bộ

luật dân sự. Sau khi ký hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Căn cứ Điều 323 Bộ luật dân sự; Điều 10, Điều 22 và Điều 26 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì việc thế chấp quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm công chứng, chứng thực. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn bà A đều xác nhận hiện trạng tài sản thế chấp không có thay đổi so với khi thế chấp phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2023. Như vậy, nội dung hình thức của các hợp đồng thế chấp đều đảm bảo quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, do đó trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng khi đến hạn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S:

[2.2.1] Xét yêu cầu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP S xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể đối với tổng số tiền nợ gốc, lãi là 169.216.742 đồng (tạm tính đến ngày 22/3/2024) theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 Ngân hàng không yêu cầu ông Th, bà A phải liên đới trả nữa mà chỉ yêu cầu cá nhân bà A phải trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng, còn những nội dung khởi kiện khác Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên.

Xét thấy, Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 là của Ngân hàng ký kết với cá nhân Nguyễn Thị Ngọc A không liên quan đến ông Th và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Th phải liên đới trả tổng số tiền nợ gốc, lãi là 169.216.742 đồng (tạm tính đến ngày 22/3/2024) theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 do nguyên đơn tự nguyện rút.

[2.2.2] Xét yêu cầu bị đơn trả khoản tiền nợ gốc: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 thì số tiền vay ban đầu là: 6.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 30 năm, từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày 28/01/2052. Ngày giải ngân là ngày 28/01/2022, bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi định kỳ vào ngày 28/01 hàng tháng. Bên cạnh đó, ngày 10/01/2022 Ngân hàng TMCP S đồng ý phát hành thẻ cho ông Th, bà A với hạn mức tính dụng là 100.000.000 đồng theo Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân, loại thẻ tín dụng Visa, hạng thẻ Platinum, tạo điều kiện để ông Th, bà A được sử dụng thẻ tín dụng; Ngày 14/3/2022 Ngân hàng TMCP S đồng ý phát hành thẻ cho bà A với hạn mức tính dụng là 100.000.000 đồng theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022, loại thẻ tín dụng SeAlady Cashback, hạng thẻ Titaninum, tạo điều kiện để bà A được sử dụng thẻ tín dụng.

Thời gian đầu ông Th, bà A vẫn trả vốn lãi đầy đủ theo định kỳ hàng tháng, tuy nhiên đến ngày 29/12/2022 ông Th, bà A không trả được số tiền nào nữa dù phía Ngân hàng đã liên hệ đòi nhiều lần. Tính đến ngày 22/3/2024 dư nợ gốc ông Th, bà A còn lại đối với Hợp đồng tín dụng số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 là 5.833.064.938 đồng; Dư nợ gốc ông Th, bà A còn lại đối với khoản vay theo Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 là 98.774.678 đồng và dư nợ gốc bà A còn lại đối với khoản vay theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 là 98.313.998 đồng đều thuộc trường hợp quá hạn thanh toán.

Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463 Bộ luật dân sự thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[2.2.3] Về khoản nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là: Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8,5%/năm và sẽ cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên lãi suất cho vay trong hạn sẽ được được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất cơ sở do Ngân hàng TMCP S ban hành từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với dư nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả bằng 10%/ năm đối với dư nợ lãi chậm trả. Do bị đơn không trả nợ đến hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc và nợ lãi sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/3/2024) thì nợ lãi trong hạn là 968.103.019 đồng, nợ lãi quá hạn là 92.330.545 đồng.

Tại Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 thì hai bên thỏa thuận mức lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/3/2024) thì nợ lãi trong hạn là 28.166.152 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.924.737 đồng.

Tại Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 thì hai bên thỏa thuận mức lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/3/2024) thì nợ lãi trong hạn là 25.707.934 đồng, nợ lãi quá hạn là 45.194.810 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022, Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 và Đơn

đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 đều được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi đến ngày 22/3/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) đối với Hợp đồng tín dụng REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 và nợ lãi Thẻ tín dụng (Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022) với số tiền như trên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.4] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/3/2024) cho đến khi ông Th, bà A trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 và Thẻ tín dụng (Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022). Xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[6] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 244 Bộ luật

tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 320, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 4, Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Phan Việt Th phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc, lãi là 169.216.742 đồng *(một trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm mười sáu ngàn, bảy trăm bốn mươi hai đồng)* theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 do nguyên đơn tự nguyện rút.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc, lãi là 7.067.364.069 đồng *(bảy tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi bốn ngàn, không trăm sáu mươi chín đồng)*. Trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 là 6.893.498.502 đồng, trong đó nợ gốc là 5.833.064.938 đồng, nợ lãi trong hạn là 968.103.019 đồng, nợ lãi quá hạn là 92.330.545 đồng và dư nợ theo Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 là 173.865.567 đồng, trong đó nợ gốc là 98.774.678 đồng, nợ lãi trong hạn là 28.166.152 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.924.737 đồng. Kể từ ngày tiếp theo theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/3/2024) ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số REF2202700285/HDTD/AG1-NTNS ngày 27/01/2022 và Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 10/01/2022 cho đến khi ông Th, bà A thanh toán xong khoản nợ.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc, lãi là 169.216.742 đồng *(một trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm mười sáu ngàn, bảy trăm bốn mươi hai đồng)*, trong đó nợ gốc là 98.313.998 đồng, nợ lãi trong hạn là 25.707.934 đồng, nợ lãi quá hạn là 45.194.810 đồng theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022. Kể từ ngày tiếp theo theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/3/2024), bà Nguyễn Thị Ngọc A còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 14/3/2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị Ngọc A thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

Trường hợp ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2202700285/HDTC/AG1-NTNS ngày 27/01/2022, tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 179,1m^2, loại đất ở tại đô thị, thửa số 79, tờ bản đồ số 72, đất tọa lạc tại khóm Phú Hữu, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DĐ766222 ngày 31/12/2021 cho ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S thì ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A trả được toàn bộ số nợ thì buộc Ngân hàng TMCP S có trách nhiệm hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DĐ766222 ngày 31/12/2021 cho ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Th, bà A có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng *(sáu trăm ngàn đồng).*

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phan Việt Th và bà Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 115.067.364 đồng (*một trăm mười lăm triệu, không trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm sáu mươi bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 8.460.837 đồng (*tám triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, tám trăm ba mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí nên được nhận lại 57.209.526 đồng *(năm mươi bảy triệu, hai trăm lẻ chín ngàn, năm trăm hai mươi sáu đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012178 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên